SAMSUNG

Quick Setup Guide
Guide de configuration rapide

QB13R QB13R-T

* Recommended hours of use per day of this product is under 16 hours.
  If the product is used for longer than 16 hours a day, the warranty may be void.
* The colour and the appearance may differ depending on the product, and the content in the manual is subject to change without prior notice to improve the performance.
* Download the user manual from the website for further details.
  http://www.samsung.com/displaysolutions

* Il est recommandé d'utiliser ce produit moins de 16 heures par jour.
  L'utilisation quotidienne du produit pendant une durée supérieure à 16 heures peut entraîner l'annulation de la garantie.
* La couleur et l'aspect du produit peuvent varier en fonction du modèle, et le contenu dans le manuel peut être modifié sans préavis pour des raisons d'amélioration des performances.
* Téléchargez le manuel utilisateur du site Web pour obtenir plus de détails.

The terms HDMI and HDMI High-Definition Multimedia Interface, and the HDMI Logo are trademarks or registered trademarks of HDMI Licensing LLC in the United States and other countries.

BN68-09906C-00

Checking the Components
Verification des composants



Quick Setup Guide
Guide de configuration rapide



Warranty card
(Not available in some locations)
Carte de garantie
(Non disponible dans certains pays)



Regulatory guide
Guide réglementaire



Power cord
Cordon d'alimentation



AC/DC adapter
Adaptateur CA/CC



Batteries (AAA x 2)
(Not available in some locations)
Batteries (AAA x 2)
(Non disponible dans certains pays)

Remote Control
Télécommande



RS232C adapter
Adaptateur RS232C



STAND-BAR x 2
BARRE D'APPUI x 2



TOUCH OUT cable
(Supported model: QB13R-T)
Câble TOUCH OUT
(Modèle pris en charge: QB13R-T)

English

Contact the vendor where you purchased the product if any components are missing.
The pictures may look different from the actual components.

Français

S'il manque le moindre composant, contactez le revendeur auprès duquel vous avez acheté le produit.
Les représentations peuvent ne pas correspondre aux composants.

Português

Contacte o vendedor onde adquiriu o produto caso haja componentes em falta.
As imagens podem ter um aspeto diferente dos componentes reais.

Tiếng Việt

Liên hệ với nhà cung cấp nơi bạn mua sản phẩm nếu có thành phần nào bị thiếu.
Ảnh có thể trông khác với các thành phần thực tế.

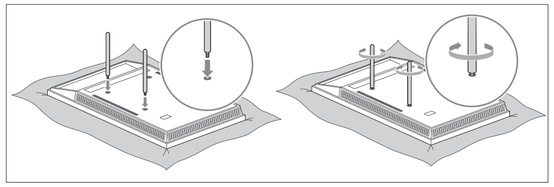
繁體中文

如有任何元件遺漏，請聯絡您購買產品的供應商。
圖片看起來可能和實際元件不盡相同。

العربية

اتصل بالبائع الذي اشتريت منه المنتج في حالة عدم وجود أي مكونات.
قد تبدو الصور مختلفة عن المكونات الفعلية.

Using the STAND-BAR
Utilisation de la BARRE D'APPUI



English

Place the product with the face down on top of the protective cloth or cushion.
Insert the bar into a slot on the product and then turn to fasten.

Français

Posez le produit face vers le bas sur le chiffon ou le coussin protecteur.
Insérez la barre dans l'un des emplacements prévus sur le produit, puis tournez pour la fixer.

Português

Coloque o produto de forma que a parte frontal do mesmo fique em cima do pano ou almofada protetores.
Insira a barra numa ranhura do produto e rode para apertar.

Tiếng Việt

Đặt sản phẩm úp xuống tấm vải hoặc miếng đệm.
Lắp thanh vào khe trên sản phẩm rồi xoáy chặt.

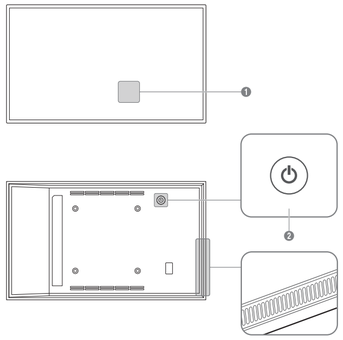
繁體中文

將產品正面朝下放在保護布料或墊子上。
將支桿插入產品的插槽中，然後擰緊。

العربية

ضع المنتج ووجهه نحو الأسفل أعلى قطعة القماش أو الوسادة الواقية.
أدخل القضيب داخل إحدى الفتحات بالمنتج، ثم لفه ليثبت.

Parts
Pièces



Speaker / Haut-parleur

English

❶ Remote sensor
Press a button on the remote control pointing at the sensor on the front of the product to perform the corresponding function.
* Using other display devices in the same space as the remote control of this product can cause the other display devices to be inadvertently controlled.
❷ Power button
Turns the product on or off.

Français

❶ Capteur de la télécommande
Appuyez sur un bouton de la télécommande tout en pointant cette dernière vers le capteur situé à l'avant du produit pour exécuter la fonction correspondante.
* Si vous utilisez la télécommande de ce produit dans le même espace que d'autres périphériques d'affichage, il se peut que ces derniers soient commandés par mégarde.
❷ Bouton d'alimentation
Permet d'activer ou de désactiver le produit.

Português

❶ Sensor do telecomando
Prima um botão do telecomando apontando para o sensor localizado na parte frontal do produto para executar a função correspondente.
* Se utilizar outros dispositivos de visualização no mesmo espaço do telecomando deste produto poderá vir a controlar estes outros dispositivos acidentalmente.
❷ Botão de alimentação
Liga e desliga o produto.

Tiếng Việt

❶ Cảm biến từ xa
Nhấn nút trên điều khiển từ xa trỏ vào cảm biến trên mặt trước của sản phẩm để thực hiện chức năng tương ứng.
* Sử dụng các thiết bị màn hình khác trong cùng một không gian như điều khiển từ xa của sản phẩm này có thể làm cho thiết bị màn hình vô tình bị điều khiển.
❷ Nút nguồn
Bật hoặc tắt sản phẩm.

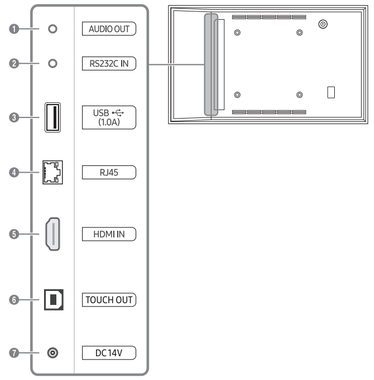
繁體中文

❶ 遙控感測器
對著產品正面的感測器按下遙控器上的按鈕，執行相對應的功能。
* 在相同地點與本產品的遙控器一併使用其他顯示裝置，可能會導致其他顯示裝置發生未能如預期受控制。
❷ 電源按鈕
開啟或關閉產品。

العربية

❶ مستشعر وحدة التحكم عن بُعد
اضغط على زر في جهاز التحكم عن بُعد مع توجيهه إلى المستشعر الموجود بمقدمة المنتج لإجراء الوظيفة المطابقة.
* استخدام أجهزة العرض الأخرى في نفس مساحة وحدة التحكم عن بُعد الخاصة بهذا المنتج قد يؤدي إلى التحكم في هذه الأجهزة دون قصد.
❷ زر الطاقة
تشغيل المنتج أو إيقاف تشغيله.

Ports
Ports



English

❶ Outputs sound to an audio device via an audio cable.
❷ Connects to MDC using an RS232C adapter.
❸ Connect to a USB memory device.
* The USB ports on the product accept a maximum constant current of 1.0A. If the maximum value is exceeded, USB ports may not work.
❹ Connects to MDC and the Internet using a LAN cable. (10/100 Mbps)
* Use Cat7(*STP Type) cable for the connection.
- Shielded Twist Pair.
❺ Connects to a source device using a HDMI cable or HDMI-DVI cable.
❻ Connects to a PC using a TOUCH OUT cable to enable touch functions.
* Supported model: QB13R-T
❼ Connects to the AC/DC adapter.

Français

❶ Émet du son vers un appareil audio via un câble audio.
❷ Connexion au MDC grâce à un adaptateur RS232C.
❸ Permet de se connecter à un périphérique de mémoire USB.
* Les ports USB sur le produit acceptent un courant constant maximal de 1,0 A. Si cette valeur maximale est dépassée, il est possible que les ports USB ne fonctionnent pas.
❹ Permet de se connecter à MDC et à Internet via un câble LAN. (10/100 Mbit/s)
* Utilisez le câble Cat 7(type *STP) pour la connexion.
- Shielded Twist Pair.
❺ Connexion à un périphérique source à l'aide d'un câble HDMI ou HDMI-DVI.
❻ Se connecte à un PC à l'aide d'un câble TOUCH OUT pour activer les fonctions tactiles.
* Modèle pris en charge : QB13R-T
❼ Se connecte à l'adaptateur CA/CC.

Português

❶ Emite som para um dispositivo de áudio através de um cabo de áudio.
❷ Liga-se a um MDC utilizando um adaptador RS232C.
❸ Ligue a um dispositivo de memória USB.
* As portas USB do produto aceitam até 1,0 A de corrente contínua. Se o valor máximo for excedido, as portas USB podem não funcionar.
❹ Liga ao MDC e à Internet utilizando um cabo LAN. (10/100 Mbps)
* Utilize um cabo Cat 7 (*tipo STP) para a ligação.
- Shielded Twist Pair.
❺ Liga-se a um dispositivo de entrada utilizando um cabo HDMI ou HDMI-DVI.
❻ Liga-se a um PC através de um cabo TOUCH OUT para ativar as funções de toque.
* Modelo suportado: QB13R-T
❼ Liga-se ao transformador de CA/CC.

Tiếng Việt

❶ Đưa âm thanh ra thiết bị âm thanh qua cáp âm thanh.
❷ Kết nối với MDC bằng cách sử dụng bộ điều hợp RS232C.
❸ Kết nối với thiết bị nhớ USB.
* Các cổng USB trên sản phẩm chấp nhận dòng điện một chiều tối đa là 1,0 A. Nếu vượt quá giá trị tối đa, các cổng USB có thể không hoạt động.
❹ Kết nối với MDC và Internet bằng cáp LAN. (10/100 Mbps)
* Sử dụng cáp Cat 7(loại *STP) để kết nối.
- Shielded Twist Pair.
❺ Kết nối với thiết bị nguồn tín hiệu bằng cách sử dụng cáp HDMI hoặc cáp HDMI-DVI.
❻ Kết nối với PC bằng cáp TOUCH OUT để bật các chức năng cảm ứng.
* Kiểu máy được hỗ trợ: QB13R-T
❼ Đấu nối với bộ điều hợp nguồn AC/DC.

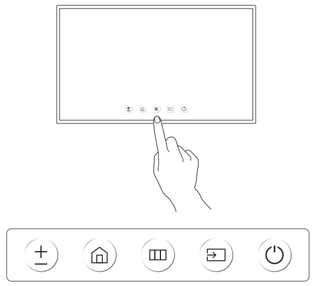
繁體中文

❶ 透過音訊纜線將聲音輸出到音訊裝置。
❷ 使用 RS232C 轉接器連接至 MDC。
❸ 連接至 USB 記憶裝置。
* 本產品上的 USB 連接埠接受最大恆定電流 1.0A。若超過最大值，USB 連接埠可能無法運作。
❹ 使用 LAN 纜線連接至 MDC 和網際網路。(10/100 Mbps)
*使用 Cat 7（*STP 類型）纜線進行連接。
- Shielded Twist Pair.
❺ 使用 HDMI 纜線或 HDMI-DVI 纜線連接至訊號源裝置。
❻ 用 TOUCH OUT 纜線連接到 PC，以啟用觸控功能。
* 支援的機型：QB13R-T
❼ 連接至電源供應器。

العربية

❶ يقوم بإخراج الصوت إلى جهاز صوت عبر كبل صوت.
❷ التوصيل ببرنامج MDC باستخدام محوّل RS232C.
❸ التوصيل بجهاز ذاكرة USB.
* تقبل منافذ USB الموجودة بالمنتج تياراً ثابتاً يبلغ 1.0 أمبير بحد أقصى. في حالة تجاوز أقصى قيمة، قد لا تعمل منافذ USB.
❹ التوصيل بالمضيف MDC والإنترنت باستخدام كبل LAN. (10/100 ميجابايت في الثانية)
* استخدم كبل Cat 7 (من نوع *STP) للتوصيل.
- Shielded Twist Pair.
❺ للتوصيل بجهاز مصدر باستخدام كابل HDMI أو كابل HDMI-DVI.
❻ يتصل بالكمبيوتر عن طريق كبل TOUCH OUT لتمكين وظائف اللمس.
* الطراز المدعوم: QB13R-T
❼ يُستخدم لتوصيل الجهاز بمحوّل التيار المتردد/التيار المستمر.

Administrator menu (Supported model: QB13R-T)
Menu d'administrateur (Modèle pris en charge : QB13R-T)



English

* Touching and holding on the screen when the product is turned on displays the administrator menu.
* If the touchscreen control is not available, use the remote control to go to **System** → **Touch Control** → **Touch Control** and select **On** from the OSD menu. And go to **Device to Control** and select **Samsung SMART Signage** or **Auto**.
* If the administrator menu is not displayed, use the remote control to go to **System** → **Touch Control** → **Admin Menu Lock** and select **Off** from the OSD menu.

Français

* Pour afficher le menu d'administrateur, touchez l'écran et maintenez le doigt dessus lorsque le produit est allumé.
* Si le contrôle d'écran tactile n'est pas disponible, utilisez la télécommande pour aller dans **Système** → **Commandes tactiles** → **Commandes tactiles** et sélectionnez **Activé** dans le menu OSD. Allez dans **Périphérique à contrôler** et sélectionnez **Samsung SMART Signage** ou **Auto.**.
* Si le menu administrateur n'est pas affiché, utilisez la télécommande pour aller dans **Système** → **Commandes tactiles** → **Verrouillage menu admin** et sélectionnez **Arrêt** dans le menu OSD.

Português

* Toque sem soltar no ecrã, quando o produto estiver ligado, para exibir o menu do administrador.
* Se o controlo por ecrã tátil não se encontrar disponível, utilize o telecomando para aceder a **Sistema** → **Controlo de Toque** → **Controlo de Toque** e selecione **Ligado** a partir do menu OSD. De seguida, aceda a **Dispositivo a Controlar** e selecione **Samsung SMART Signage** ou **Auto**.
* Se o menu do administrador não for apresentado, utilize o telecomando para aceder a **Sistema** → **Controlo de Toque** → **Bloqueio do Menu Admin** e selecione **Desl.** a partir do menu OSD.

Tiếng Việt

* Chạm và giữ màn hình khi bật sản phẩm sẽ hiển thị menu quản trị viên.
* Nếu điều khiển cảm ứng không hoạt động, hãy sử dụng điều khiển từ xa để vào **System** → **Touch Control** → **Touch Control** và chọn **On** từ menu OSD. Và vào **Device to Control**, rồi chọn **Samsung SMART Signage** hoặc **Auto**.
* Nếu menu quản trị viên không được hiển thị, hãy sử dụng điều khiển từ xa để vào **System** → **Touch Control** → **Admin Menu Lock** và chọn **Off** từ menu OSD.

繁體中文

* 在產品開啟時輕觸並按住螢幕會顯示管理員功能表。
* 若無法使用觸控螢幕控制，請使用遙控器前往**系統** → **觸控** → **觸控**並從 OSD 功能表中選取**開啟**。然後前往**要控制的裝置**並選取**Samsung SMART Signage**或**自動**。
* 若沒有顯示管理員功能表，請使用遙控器前往**系統** → **觸控** → **管理員選單鎖**並從 OSD 功能表中選取**關閉**。

العربية

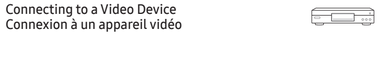
* يؤدي لمس الشاشة مع الاستمرار عندما يكون المنتج في وضع التشغيل إلى عرض قائمة المسؤول.
* في حالة عدم توافر إمكانية التحكم من خلال الشاشة التي تعمل باللمس، استخدم جهاز التحكم عن بُعد للانتقال إلى **النظام** ← **التحكم عن طريق اللمس** ← **التحكم عن طريق اللمس** وحدد **تشغيل** من قائمة العرض على الشاشة. ثم انتقل إلى **الجهاز المراد التحكم به** وحدد **Samsung SMART Signage** أو **تلقائي**.
* في حالة عدم عرض قائمة المسؤول، استخدم جهاز التحكم عن بُعد للانتقال إلى **النظام** ← **التحكم عن طريق اللمس** ← **قفل قائمة المسؤول** وحدد **إيقاف** من قائمة العرض على الشاشة.

Connecting and Using a Source Device
Connexion et utilisation d'un périphérique source

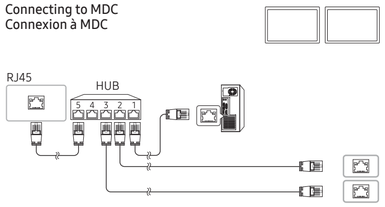
Connecting to a PC
Connexion à un PC



Connecting to a Video Device
Connexion à un appareil vidéo



Connecting to MDC
Connexion à MDC



English

For details on how to use the MDC programme, refer to Help after installing the programme.
The MDC programme is available on the website. http://www.samsung.com/displaysolutions

Français

Pour obtenir des détails sur la manière d'utiliser le programme MDC, reportez-vous à l'Aide après avoir installé le programme.
Le programme MDC est disponible sur le site Web.

Português

Para obter detalhes sobre como usar o programa MDC, consulte a Ajuda depois de instalar o programa.
O programa MDC está disponível no site.

Tiếng Việt

Để biết chi tiết về cách sử dụng chương trình MDC, hãy tham khảo Trợ giúp sau khi cài đặt chương trình.
Chương trình MDC có sẵn trên trang web.

繁體中文

關於如何使用 MDC 程式的詳細資訊，請在安裝該程式後參見說明。
MDC 程式可在網站上取得。

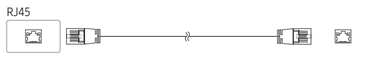
العربية

للحصول على تفاصيل حول كيفية استخدام برنامج MDC، راجع "تعليمات" بعد تثبيت البرنامج.
يتوفر برنامج MDC على موقع الويب.

Connecting to an Audio System
Branchement à un système audio



Connecting the LAN Cable
Connexion du câble LAN



English

Use Cat7(*STP Type) cable for the connection. (10/100 Mbps)
*Shielded Twist Pair

Français

Utilisez le câble Cat 7(type *STP) pour la connexion. (10/100 Mbit/s)

Português

Utilize um cabo Cat 7 (*tipo STP) para a ligação. (10/100 Mbps)

Tiếng Việt

Sử dụng cáp Cat 7(loại *STP) để kết nối. (10/100 Mbps)

繁體中文

使用 Cat 7（*STP 類型）纜線進行連接。(10/100 Mbps)

العربية

استخدم كبل Cat 7 (من نوع *STP) للتوصيل.
(10/100 ميجابايت في الثانية)

Troubleshooting Guide
Guide de depannage

English

Issues	Solutions
The screen keeps switching on and off.	Check that the cable between the product and the PC is connected correctly.
No Signal is displayed on the screen.	Check that products (including source device) are connected correctly with a cable.
	Check that the source device connected to the product is powered on.
	Depending on the type of external device, the screen may not display properly. In this case, connect it with the **HDMI Hot Plug** function turned **On**.
Not Optimum Mode is displayed.	This message is displayed when a signal from the graphics card exceeds the product's maximum resolution and frequency.
	Refer to the Standard Signal Mode Table and set the maximum resolution and frequency according to the product specifications.

Français

Problèmes	Solutions
L'écran s'allume et s'éteint continuellement.	Vérifiez que le câble entre le produit et le PC est connecté correctement.
Aucun signal s'affiche à l'écran.	Vérifiez que l'appareil est connecté correctement à l'aide d'un câble.
	Assurez-vous que le périphérique source connecté au produit est sous tension.
	Selon le type de périphérique externe, l'écran peut ne pas s'afficher correctement. Dans ce cas, connectez-le avec la fonction **Connexion HDMI** mise sur **Activé**.
Mode non optimal est affiché.	Ce message s'affiche lorsqu'un signal émis par la carte graphique est supérieur à la fréquence et la résolution maximales de l'appareil.
	Consultez le tableau des modes de signal standard et réglez la fréquence et la résolution maximales conformément aux spécifications de l'appareil.

Português

Problemas	Soluções
O ecrã está continuamente a ligar e a desligar.	Verifique se o cabo entre o produto e o PC está ligado corretamente.
A mensagem **Sem sinal** é exibida no ecrã.	Verifique se o produto está ligado corretamente com um cabo.
	Verifique se o dispositivo fonte ligado ao produto está ligado.
	Consoante o tipo de dispositivo externo, o ecrã pode não ser apresentado corretamente. Neste caso, ligue-o com a função **Lig.Instantânea HDMI** definida como **Ligado**.
A mensagem **Modo inadequado** é exibida.	Esta mensagem é apresentada quando um sinal da placa gráfica ultrapassa a resolução e a frequência máximas do produto.
	Consulte a Tabela do modo de sinal padrão e defina a resolução e a frequência máximas de acordo com as especificações do produto.

Tiếng Việt

Các vấn đề	Giải pháp
Màn hình liên tục bật và tắt.	Kiểm tra xem cáp giữa sản phẩm và PC có được kết nối chính xác không.
No Signal được hiển thị trên màn hình.	Kiểm tra xem sản phẩm có kết nối đúng với cáp chưa.
	Kiểm tra xem thiết bị nguồn kết nối với sản phẩm có bật không.
	Tùy vào loại thiết bị ngoại vi, có thể màn hình sẽ không hiển thị đúng cách. Trong trường hợp này, kết nối thiết bị với chức năng **HDMI Hot Plug** đang **On**.
Not Optimum Mode được hiển thị.	Thông báo được hiển thị khi một tín hiệu từ card màn hình vượt quá độ phân giải và tần số tối đa.
	Tham khảo Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn và cài đặt độ phân giải và tần số tối đa theo thông số sản phẩm.

繁體中文

問題	解決方案
螢幕不斷開啟和關閉。	檢查產品與電腦之間的纜線是否正確連接。
螢幕上顯示**無訊號**。	檢查產品是否已經使用纜線正確連接。
	檢查連接至產品的來源裝置是否已經開啟電源。
	根據外部裝置類型，螢幕可能無法正常顯示。 在此情況下，請於 **HDMI 熱插拔** 功能為 **開啟** 時進行連接。
顯示**非最佳化模式**。	圖形卡所發出的訊號超過產品的最大解析度和頻率時，就會顯示此訊息。
	請參閱「標準訊號模式表」，並根據產品規格設定最大解析度與頻率。

العربية

المشاكل	الحلول
يتم تشغيل الشاشة ثم إيقاف تشغيلها بشكل متكرر.	تحقق من توصيل الكابل بين المنتج والكمبيوتر الشخصي بشكل صحيح.
يتم عرض **لا توجد إشارة** على الشاشة.	تحقق من توصيل المنتج بشكل صحيح من خلال كابل.
	تأكد من تشغيل الجهاز المصدر المتصل بالمنتج.
	وفقًا لنوع الجهاز الخارجي، قد لا يتم عرض الشاشة بشكل صحيح. في هذه الحالة، قم بتوصيلها مع ضبط وظيفة **موصل HDMI سريع** على وضع **التشغيل**.
يتم عرض **ليس الوضع الأمثل**.	يتم عرض هذه الرسالة عند تجاوز الإشارة الواردة من بطاقة الرسومات لأقصى دقة وتردد للمنتج.
	ارجع إلى "جدول الأوضاع القياسية للإشارات" واضبط أقصى دقة وتردد وفقًا لمواصفات المنتج.

DOLBY AUDIO™

HEVC Advance™
Covered by Patents at patentlist.hevcadvance.com

English

Specifications

Model Name		QB13R	QB13R-T
Panel	Size	13 CLASS (13.27 inches / 33.7 cm)	
	Display area	295.37 mm (H) x 166.49 mm (V)	
Power Supply		AC100-240V~ 50/60Hz Based on the AC voltage of the adapter. For the DC voltage of the product, refer to the product label.	
Environmental considerations	Operating	Temperature: 0 °C – 40 °C (32 °F – 104 °F) Humidity: 10% – 80%, non-condensing	
	Storage	Temperature: -20 °C – 45 °C (-4 °F – 113 °F) Humidity: 5% – 95%, non-condensing	

* This device is a Class B digital apparatus.
* For detailed device specifications, visit the Samsung Electronics website.

Français

Caractéristiques techniques

Nom du modèle		QB13R	QB13R-T
Panneau	Taille	Classe 13 (13,27 pouces / 33,7 cm)	
	Surface d'affichage	295,37 mm (H) x 166,49 mm (V)	
Alimentation		AC100-240V~ 50/60Hz Sur la base de la tension CA de l'adaptateur. Pour la tension CC du produit, reportez-vous à l'étiquette du produit.	
Considérations environnementales	Fonctionnement	Température: 0 °C – 40 °C (32 °F – 104 °F) Humidité: 10% à 80%, sans condensation	
	Stockage	Température: -20 °C – 45 °C (-4 °F – 113 °F) Humidité: 5% à 95%, sans condensation	

* Ce périphérique est un appareil numérique de Classe B.
* Pour les spécifications détaillées de l'appareil, veuillez visiter le site Web de Samsung Electronics.

Português

Características técnicas

Nome do modelo		QB13R	QB13R-T
Painel	Tamanho	Classe 13 (13,27 polegadas / 33,7 cm)	
	Área de visualização	295,37 mm (H) x 166,49 mm (V)	
Fonte de alimentação		AC100-240V~ 50/60Hz Com base na tensão CA do adaptador. Para a tensão CC do produto, consulte a etiqueta do produto.	
Características ambientais	Funcionamento	Temperatura: 0 °C - 40 °C (32 °F - 104 °F) Humidade: 10% - 80%, sem condensação	
	Armazenamento	Temperatura: -20 °C - 45 °C (-4 °F - 113 °F) Humidade: 5% - 95%, sem condensação	

* Este dispositivo é um aparelho digital de Classe B.
* Para obter mais informações sobre as especificações do dispositivo, visite o website da Samsung Electronics.

Tiếng Việt

Các thông số kỹ thuật

Tên môđen		QB13R	QB13R-T
Màn hình	Kích thước	Loại 13 (13,27 inch / 33,7 cm)	
	Vùng hiển thị	295,37 mm (H) x 166,49 mm (V)	
Nguồn điện		AC100-240V~ 50/60Hz Dựa trên điện áp AC của bộ điều hợp. Để biết điện áp DC của sản phẩm, hãy xem nhãn sản phẩm.	
Các yếu tố môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 0 °C – 40 °C (32 °F – 104 °F) Độ ẩm: 10% – 80%, không ngưng tụ	
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20 °C – 45 °C (-4 °F – 113 °F) Độ ẩm: 5% – 95%, không ngưng tụ	

* Đây là thiết bị kỹ thuật số Nhóm B.
* Để xem thông số kỹ thuật chi tiết của thiết bị, hãy truy cập trang web của Samsung Electronics.

繁體中文

規格

型號名稱		QB13R	QB13R-T
面板	大小 （需沿屏幕表面測量對角）	13.27 英吋（33.7 公分）	
	可視面積 （需沿屏幕表面測量）	295.37 公釐（水平）x 166.49 公釐（垂直）	
電源		AC100-240V~ 50/60Hz 根據配接器的交流電電壓。有關產品的直流電電壓，請參閱產品標籤。	
環境因素	工作	溫度：0 °C - 40 °C (32 °F - 104 °F) 濕度：10% - 80%，無冷凝	
	存放	溫度：-20 °C - 45 °C (-4 °F - 113 °F) 濕度：5% - 95%，無冷凝	

* 此裝置為 B 類數位設備。
* 如需詳細的裝置規格，請造訪三星電子網站。
* QB13R / QB13R-T：耗電量（額定）：25 W

RoHS

設備名稱：彩色顯示器
Equipment name

型號（型式）：QB13R / QB13R-T
Type designation (Type)

單元 Unit	限用物質及其化學符號 Restricted substances and its chemical symbols					
	鉛 Lead (Pb)	汞 Mercury (Hg)	鎘 Cadmium (Cd)	六價鉻 Hexavalent chromium (Cr⁺⁶)	多溴聯苯 Polybrominated biphenyls (PBB)	多溴二苯醚 Polybrominated diphenyl ethers (PBDE)
電路板	–	O	O	O	O	O
外殼	–	O	O	O	O	O
金屬零件	–	O	O	O	O	O
玻璃面板	–	O	O	O	O	O
揚聲器	O	O	O	O	O	O
配件 (例：線材，遙控器)	–	O	O	O	O	O

備考1. "O" 係指該項限用物質之百分比含量未超出百分比含量基準值。
Note 1: "O" indicates that the percentage content of the restricted substance does not exceed the percentage of reference value of presence.
備考2. "–" 係指該項限用物質為排除項目。
Note 2: The "–" indicates that the restricted substance corresponds to the exemption.

العربية

المواصفات

اسم الموديل		QB13R	QB13R-T
لوحة	الحجم	الفئة 13 (13.27 بوصة / 33.7 سم)	
	منطقة العرض	295.37 مم (أفقي) × 166.49 مم (رأسي)	
مصدر إمداد الطاقة		AC100-240V~ 50/60Hz بناءً على جهد التيار المتردد الخاص بالمحول. لمعرفة التيار المستمر الخاص بالمنتج، راجع بطاقة التعريف بالمنتج.	
الاعتبارات البيئية	أثناء التشغيل	درجة الحرارة: 0 إلى 40 درجة مئوية (32 إلى 104 درجة فهرنهايت) الرطوبة: 10 % - 80 %، دون تكاثف	
	التخزين	درجة الحرارة: -20 إلى 45 درجة مئوية (-4 إلى 113 درجة فهرنهايت) الرطوبة: 5 % - 95 %، دون تكاثف	

* هذا الجهاز هو جهازٌ رقمياً من الدرجة ب.
* للاطلاع على مواصفات الجهاز بالتفاصيل، يُرجى زيارة الموقع الإلكتروني لشركة Samsung Electronics.

Contact SAMSUNG WORLD WIDE
Comment contacter Samsung dans le monde

Web site: http://www.samsung.com

Area	Customer Care Centre
ALGERIA	3004
AUSTRALIA	1300 362 603
BAHRAIN	8000-GSAM (8000-4726)
BANGLADESH	09612300300 08000300300 (Toll free)
CAMBODIA	+855-23-993232 1800-20-3232 (Toll free)
CAMEROON	67095 0077
COTE D' IVOIRE	8000 0077
DRC	499 999
EGYPT	08000-7267864 16580
GHANA	0800 100 077
HONG KONG	3698 4698
INDIA	1800 40 SAMSUNG (1800 40 7267864) (Toll-Free) 1800 5 SAMSUNG (1800 5 7267864) (Toll-Free)
INDONESIA	021-5699-7777 0800-112-8888 (Toll Free)
IRAN	021-8255
IRAQ	80010080
ISRAEL	*6963
JORDAN	0800-22273 06 5777444

Area	Customer Care Centre
KENYA	0800 545 545
KUWAIT	183-CALL (183-2255)
LAOS	+856-214-17333
LEBANON	1299
MACAU	0800 333
MALAYSIA	1800-88-9999 +603-7713 7420 (Overseas contact)
MAURITIUS	800 2550
MOROCCO	080 100 22 55
MOZAMBIQUE	84 726 7864
MYANMAR	+95-1-2399-888
NAMIBIA	08 197 267 864
NEPAL	16600172667 (Toll Free for NTC Only) 9801572667 (Toll Free for Ncell users)
NEW ZEALAND	0800 726 786
NIGERIA	0800 726 7864
OMAN	800-SAM CS (800-72627)
PAKISTAN	0800-Samsung (72678)
PHILIPPINES	1-800-10-726-7864 [PLDT Toll Free] 1-800-8-726-7864 [Globe Landline and Mobile] 02- 422-2111 [Standard Landline]
QATAR	800-CALL (800-2255)

Area	Customer Care Centre
REUNION	0262 50 88 80
RWANDA	9999
SAUDI ARABIA	(+966) 8002474357 (800 24/7 HELP)
SENEGAL	800 00 0077
SINGAPORE	1800 7267864 | 1800-SAMSUNG
SOUTH AFRICA	0860 SAMSUNG (726 7864)
SRI LANKA	011 SAMSUNG (011 7267864)
SUDAN	1969
TAIWAN	0800-32-9999 0809-00-5237 (B2B / Dealer)
TANZANIA	0800 780 089
THAILAND	0-2689-3232 1800-29-3232 (Toll free)
TUNISIA	80 100 012
U.A.E	800-SAMSUNG (800 - 726 7864)
UGANDA	0800 300 300
VIETNAM	1800 588 889
ZAMBIA	0211 350 370